

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG	Số: 728... ngày 26/12/2019
VĂN	CHUYÊN
ĐẾN	Lãnh đạo CC: <i>[Signature]</i>
	Phòng: <i>[Signature]</i>
	Sao:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 48/NML/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm.

Địa chỉ: Số 19 Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0856633336

Fax:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0107472012.

Địa chỉ sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm tại Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chứng nhận ISO 22000:2018 hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, số chứng nhận: AQV-40020.1, ngày cấp phép 25/07/2019.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BỘT VIÊN

2. Thành phần: Bột nếp (>20%); nước; chất tạo ngọt: acesulfam kali; chất bảo quản: kali sorbat, natri benzoat; muối

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói: 300g/túi/hộp, 500g/túi/hộp, 650g/túi/hộp, 750g/túi/hộp, 800g/túi/hộp, 1kg/túi/hộp, 1,5kg/túi/hộp, 2kg/túi/hộp, 3kg/túi/hộp và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

4.2. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi PA/PP/PE, Mat OPP/MCPPP, Metalize, thùng carton hợp vệ sinh đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm



Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ban hành ngày 30/08/2019: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”
- QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019 *chranh*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Trương Thị Thanh Huyền



CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM

Số 19 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

BỘT VIÊN	
Thành phần chính: Bột nếp (>20%); nước; chất tạo ngọt: acesulfam kali; chất bảo quản: kali sorbat, natri benzoat; muối.	
Hướng dẫn sử dụng: Nấu chín trước khi sử dụng. Bảo quản: Đông lạnh.	
NSX: In trên nhãn (bao bì sản phẩm). HSD: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất).	
Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm: CÔNG TY TNHH TM VÀ XNK NGUYỆT MINH LÂM.	
Địa chỉ trụ sở chính: Số 19 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	
Số điện thoại: 0856633336	
Địa chỉ sản xuất: Chi nhánh Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm tại Hưng Yên.	
Địa chỉ: Thôn Ngọc Loan, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	
Xuất xứ: Việt Nam	
Khối lượng tịnh:	
	
8 936160 580354	



GIÁM ĐỐC
Lương Thị Loan Huyền

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample:

2. Khách hàng/Customer:

3. Số lượng mẫu/Quantity:

4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving:

5. Tình trạng mẫu/Status of sample:

6. Thời gian thử nghiệm/Test duration:

Bột viên

Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm

Địa chỉ: Số 19, phố Khâm Thiên, p. Khâm Thiên, q. Đống Đa, tp Hà Nội, Việt Nam

(Nguyet Minh Lam TM and XNK company limited

No.19, Kham Thien street, Kham Thien ward, Dong Da district, Ha Noi city, Viet Nam.)

01 túi/ 01 bag

14/11/2019

Mẫu đựng trong túi kín/ Same in closed bag

Từ ngày/From: 14/11/2019 đến ngày/To: 28/11/2019

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0,03) Not detected
2.	Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadimi content	AOAC 2015.01	0,03
3.	Hàm lượng asen, mg/kg Asen content	AOAC 2015.01	0,15
4.	Hàm lượng endosulfan, mg/kg Endosulfan content	AOAC 970.52	Không phát hiện (LOD=0,02) Not detected
5.	Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content	TN4/HD/N3-175 LC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=0,5) Not detected
6.	Hàm lượng deoxynivalenol, µg/kg Deoxynivalenol content	TN4/HD/N3-175 LC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=1,0) Not detected
7.	Hàm lượng zearalenone, µg/kg Zearalenone content	TN4/HD/N3-175 LC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=0,5) Not detected
8.	Hàm lượng acesulfame kali, mg/kg Acesulfame potassium content	TN4/HD/N3-16	532,89
9.	Hàm lượng natri benzoate, mg/kg Sodium benzoate content	TN4/HD/N3-15	503,47
10.	Hàm lượng kali sorbate, mg/kg Potassium sorbate content	TN4/HD/N3-15	776,06

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HAI BÀ TRƯNG
CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực: 57831
 Ngày: 09-12-2019

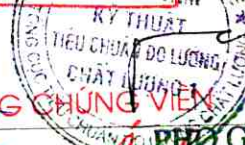
Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM

Đỗ Văn Thích
 Đỗ Văn Thích



GIÁM ĐỐC/ Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châu
 Nguyễn Ngọc Châu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa ra.
This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name and customer are written as customer's request.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/*Name of sample*: **Bột viên**
 2. Khách hàng/*Customer*: Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm
 Địa chỉ: Số 19, phố Khâm Thiên, p.Khâm Thiên, q.Đống Đa, tp Hà Nội, Việt Nam
 (*Nguyet Minh Lam TM and XNK company limited*
No.19, Kham Thien street, Kham Thien ward, Dong Da district, Ha Noi city, Viet Nam.)
 3. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01 túi/ 01 bag
 4. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 06/12/2019
 5. Tình trạng mẫu/*Status of sample*: Mẫu đựng trong túi kín/ *Same in closed bag*
 6. Thời gian thử nghiệm/*Test duration*: Từ ngày/*From*: 06/12/2019 đến ngày/*To*: 19/12/2019

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí <i>Total aerobic bacteria</i>	CFU/g	ISO 4833-1:2013	1,2 x 10 ²
2.	Coliforms	CFU/g	ISO 4832:2006	< 1,0 x 10 ¹
3.	E.coli	CFU/g	ISO 16649-2:2001	Không có/ <i>nil</i>
4.	Tổng số nấm men, nấm mốc <i>Total yeast and mold</i>	CFU/g	ISO 21527-1,2:2008	< 1,0 x 10 ¹
5.	C.perfringens	CFU/g	ISO 7937:2004	< 1,0 x 10 ¹
6.	S.aureus	CFU/g	ISO 6888-1:1999	< 1,0 x 10 ¹
7.	B.cereus	CFU/g	TCVN 7932:2004	6,0 x 10 ¹
8.	Hàm lượng aflatoxin B1 (*) <i>Aflatoxin B1 content</i>	µg/kg	TN4/HD/N3-175	Không phát hiện (LOD=0,2) <i>Not detected</i>
9.	Hàm lượng aflatoxin tổng số (*) <i>Aflatoxin B1, B2, G1, G2 content</i>	µg/kg	TN4/HD/N3-175 LC/MS/MS	Không phát hiện (LOD=0,2) <i>Not detected</i>

Ghi chú: (*) chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS

LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2019

TU QUẢN TRỊ PHÒNG THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM/Chief of Lab No.1

Tạ Thị Thu Mai

GIÁM ĐỐC/ Director

HỒ GIÁM ĐỐC
 Đặng Anh Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Chi Cục ATVSTP Hưng Yên	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	SỐ TC: 43/NML/2019
Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm	Bột Viên	Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2019

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm Bột Viên

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- **Trạng thái:** Sản phẩm dạng viên tròn, không vỡ nát.
- **Màu sắc:** Màu trắng
- **Mùi vị:** Mùi vị thơm đặc trưng

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Áp dụng theo QĐ số 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 1 \times 10^6$
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	$\leq 10^3$
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
4	<i>S.aureus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
5	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
6	<i>B.cereus</i>	CFU/g	$\leq 10^2$
7	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/g	$\leq 1 \times 10^3$

1.4. Hàm lượng kim loại nặng

Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm và quyết định 46/2007/QĐ-BYT về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$
2	Arsen (As)	mg/kg	$\leq 1,0$
3	Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,1$

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn (hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất khác).

Áp dụng theo thông tư số 50/2016/TT-BYT ban hành ngày 30/12/2016: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm và QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	≤ 2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	≤ 4
3	Ochratoxin A	µg/kg	≤ 3

2. Thành phần cấu tạo: Bột nếp (>20%); nước; chất tạo ngọt: acesulfam kali; chất bảo quản: kali sorbat, natri benzoat; muối

3. Thời hạn sử dụng: 12 tháng (kể từ ngày sản xuất)

Ngày sản xuất: In trên nhãn (bao bì sản phẩm).

4. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

4.1. Hướng dẫn sử dụng: Nấu chín trước khi dùng

4.2. Bảo quản: Đông lạnh

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

5.1. Quy cách đóng gói: 300g/túi/hộp, 500g/túi/hộp, 650g/túi/hộp, 750g/túi/hộp, 800g/túi/hộp, 1kg/túi/hộp, 1,5kg/túi/hộp, 2kg/túi/hộp, 3kg/túi/hộp và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

5.2. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong túi PA/PP/PE, Mat OPP/MCPP, Metalize, thùng carton hợp vệ sinh đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ y tế.

6. Quy trình sản xuất (xem phụ lục – kèm thuyết minh chi tiết).

7. Các biện pháp phân biệt thật, giả (nếu có).

8. Nội dung ghi nhãn (hoặc nhãn đang lưu hành) (có mẫu đính kèm).

9. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

- Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH TM và XNK Nguyệt Minh Lâm.

Địa chỉ: Số 19 Phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Xuất xứ: Việt Nam

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

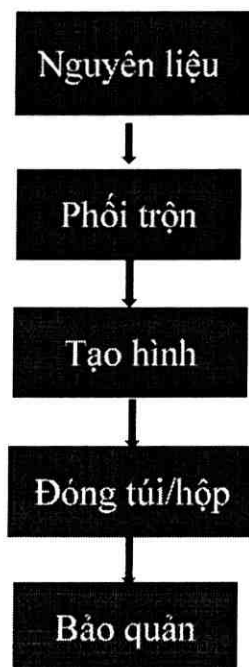
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lương Thị Thanh Huyền

Quy trình sản xuất Bột viên



Thuyết minh quy trình sản xuất Bột viên

1. Nguyên liệu: Bột nếp (>20%); nước; chất tạo ngọt: acesulfam kali; chất bảo quản: kali sorbat, natri benzoat; muối, được trộn đều trong máy đánh trộn tạo thành khối bột dẻo mượt.

2. Tạo hình

Khối bán thành phẩm được cho qua máy đùn, được tạo hình theo kích thước tiêu chuẩn.

3. Đóng túi/hộp

Thành phẩm được đóng túi/hộp, hàn kín.

4. Bảo quản

Sản phẩm được cấp đông nhanh, khi đạt đến nhiệt độ yêu cầu thì chuyển vào tủ lạnh đông bảo quản.



